

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 14 - 5 - 2019
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tiền và đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2018/TLST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông **Lê Quang T**, sinh năm 1989;

2. Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1944;

3. Ông **Lê Hữu P**, sinh năm 1939;

Cùng địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(ông P, bà C ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018; ông Lê Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày: Do quen biết nên vào ngày 08/10/2017 ông Lê Quang T mượn của bà H số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 27/10/2018 ông T mượn tiếp 30.000.000 đồng, khi mượn ông T hứa sẽ trả lãi suất mỗi tháng bằng

5.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2017 ông T tiếp tục mượn số tiền 135.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông T đã mượn 03 lần là 235.000.000 đồng, khi mượn ông T hứa đến tết Nguyên đán 2018 sẽ trả đủ số tiền nhưng khi đến hạn thì ông T nói không có tiền trả. Sau đó, ông P, bà C và ông T có hứa sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Trà Cú, phòng giao dịch Tập Sơn nên bà H tiếp tục bỏ ra số tiền 120.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng thay cho bà C, ông P và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó hai bên đã tiến hành làm thủ tục tách thửa, sang tên theo quy định và hiện nay bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất đất trên. Nay bà yêu cầu ông Lê Quang T phải trả số tiền 235.000.000 đồng và yêu cầu ông Lê Hữu P, bà Trần Thị C trả số tiền 120.000.000 đồng, bà H đồng ý trả lại 02 thửa đất cho ông P, bà C.

- Theo bản tự khai ngày 04/6/2018 và các lời trình bày trong quá trình tố tụng của bị đơn ông Lê Quang T trình bày: Trong thời gian quen biết, ông có mượn số tiền 235.000.000 đồng bà Trần Thị Kim H, khi mượn ông có hứa trong thời gian 03 tháng sẽ trả tiền số tiền 235.000.000 đồng cho bà H, nếu không trả được sẽ xin một phần đất chuyển nhượng cho bà H để trừ nợ. Do làm ăn thất bại, không có tiền trả cho bà H nên ông đã xin cha, mẹ là ông Lê Hữu P và bà Trần Thị C một miếng đất chuyển nhượng cho bà H xem như trừ số tiền 235.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền 120.000.000 đồng, mà bà H đứng ra trả Ngân hàng thay cho gia đình ông thì ông đồng ý trả lại cho bà H.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 thì bà Trần Thị C khai: Do có quan hệ tình cảm với nhau nên bà H có cho con của bà là Lê Quang T vay số tiền 235.000.000 đồng, thời gian sau do trục trặc tình cảm nên Lê Quang T có xin vợ chồng bà hai thửa đất chuyển nhượng cho bà H để trừ số tiền 235.000.000 đồng, vợ chồng bà đã đồng ý và đã làm thủ tục tách thửa sang tên cho bà H xong. Riêng số tiền 120.000.000 đồng mà bà H trả Ngân hàng thay cho cho vợ chồng bà thì đến nay vợ chồng còn thiếu và đồng ý trả cho bà H số tiền trên.

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lê Quang T trả số tiền 235.000.000 đồng; đối với số tiền 120.000.000 đồng thì vẫn tiếp tục yêu cầu ông Lê Hữu P, bà Trần Thị C; bị đơn ông Lê Quang T, đồng thời được bị đơn ông Lê Hữu P, bà Trần Thị C ủy quyền có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy, việc ông T thiếu bà H số tiền 235.000.000 đồng và ông P, bà C thiếu bà H số tiền 120.000.000 đồng là có

thật, việc này các bên đều thừa nhận. Hiện nay, bà H đã sang tên 02 thửa đất số 932, tờ bản đồ số 8, diện tích 56m² và thửa đất số 1253, tờ bản đồ số 9, diện tích 161m² của ông P, bà C để trừ số nợ 235.000.000 đồng nên bà H không yêu cầu đối với phần nợ này; Còn đối với số tiền 120.000.000 đồng thì ông P, bà C đồng ý trả cho bà H. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim H, ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị C và ông Lê Hữu P trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 120.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu ông Lê Quang T trả số tiền 235.000.000 đồng. Đồng thời, đề nghị miễn án phí cho ông P, bà C do ông P, bà C là người cao tuổi sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Trần Thị Kim H yêu cầu ông Lê Quang T trả số tiền 235.000.000 đồng mà ông T đã mượn và yêu cầu ông Lê Hữu P, bà Trần Thị C trả số tiền 12.000.000 đồng mà ông P, bà C kêu bà H dùm đáo hạn Ngân hàng nên đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa ông Lê Quang T, đồng thời là người được bị đơn ông Lê Hữu P, bà Trần Thị C ủy quyền có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án thấy rằng; Trong trong gian quen biết, bà Trần Thị Kim H có cho ông Lê Quang T mượn tổng số tiền 235.000.000 đồng, việc này bà H và ông T đều thừa nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Sau khi mượn số tiền 235.000.000 đồng của bà H thì ông T cam kết nếu không trả được số tiền trên thì sẽ xin một phần đất của ông P, bà C sang nhượng cho bà H để trừ nợ, đến hạn trả nợ do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H như đã cam kết nên giữa bà H, ông P và bà C (cha, mẹ của ông T) có làm “Tờ đồng thuận về việc mua bán đất”, theo đó, thì ông P và bà C đồng ý chuyển nhượng 02 thửa đất số 932, tờ bản đồ số 8, diện tích 56m², tọa lạc tại ấp Dầu Đồi, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 1253, tờ bản đồ số 9, diện tích 161m², tọa lạc tại ấp Sóc Tro Dưới, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho bà H với giá là 250.000.000 đồng (hai bên không có giao nhận số tiền này). Sau khi làm tờ đồng thuận, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa nêu trên ông P, bà C đang

thể chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Trà Cú, phòng giao dịch Tập Sơn nên bà H tiếp tục bỏ ra số tiền 120.000.000 đồng tất toán cho Ngân hàng và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó giữa bà H, ông P và bà C đã tiến hành làm thủ tục tách thửa, sang tên theo quy định và hiện nay bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 932 và 1253. Như vậy, phần số tiền 235.000.000 đồng mà ông Thừa đã mượn của bà H đã được các bên làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất số 932, tờ bản đồ số 8, diện tích 56m², và thửa đất số 1253, tờ bản đồ số 9, diện tích 161m² để trừ nợ; tại phiên tòa, bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 235.000.000 đồng xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này. Riêng đối với số tiền 120.000.000 đồng mà bà H bỏ ra để đáo hạn khoản nợ của ông P, bà C thì ông P, bà C (ủy quyền cho ông T) thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho bà H số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông P và bà C. Đối với khoản lãi suất của số tiền 120.000.000 đồng thì bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án mà nguyên đơn đã nộp trước bằng 3.000.000 đồng. Ông Lê Hữu P và bà Trần Thị C đều là người cao tuổi, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của bà H không có căn cứ nên bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bằng 400.000 đồng.

[5] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị C và ông Lê Hữu P trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 120.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu ông Lê Quang T trả số tiền 235.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên

được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013886 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hữu P, và bà Trần Thị C. Ông Lê Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Trần Thị Kim H phải chịu 400.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà Hồng đã nộp trước bằng 1.000.000 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn thừa bằng 600.000 đồng cho bà Trần Thị Kim H, nhận tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

4. Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuê

